

Số: 30969 /CT-TTHT
V/v giải đáp chính sách thuế

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2017

Kính gửi: Công ty TNHH thiết bị y tế Hằng Khang
Địa chỉ: lô CN5 Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai – Hà Nội
MST: 0102803165

Cục thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 1702/CV2017 ngày 17/02/2017 của Công ty TNHH thiết bị y tế Hằng Khang (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế. Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định các trường hợp không phải kê khai tính nộp thuế GTGT:

“1. Tổ chức, cá nhân nhận các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác.

Cơ sở kinh doanh khi nhận khoản tiền thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ nhận được, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác thì lập chứng từ thu theo quy định. Đối với cơ sở kinh doanh chi tiền, căn cứ mục đích chi để lập chứng từ chi tiền.”

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 và Thông tư số 64/2013/TT-BTC ngày 15/5/2013 của Bộ Tài chính quy định về lập hóa đơn:

“b) Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hoá luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hoá dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hoá. “

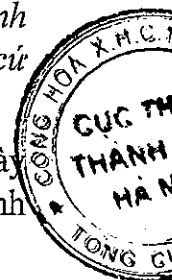
- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính quy định:

+ Tại Khoản 10 Điều 1 quy định:

“10. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính) như sau:

“Điều 15. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

1. Có hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối



với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ các trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

÷ Tại Khoản 7 Điều 3 sửa đổi, bổ sung Điều 16 của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ như sau:

“7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 16 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC) như sau:

b) Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hoá, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hoá, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hoá luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất).

- Căn cứ Điều 20 Thông tư 39/2014/TT-BTC quy định về việc xử lý đối với hóa đơn đã lập.

- Căn cứ khoản 5 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

- Căn cứ Phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 30/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN; Căn cứ khoản 3.n Điều 5 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế TNDN.

- Căn cứ tiết n, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 quy định:

“3. Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong một số trường hợp xác định như sau:

n) Đối với hoạt động kinh doanh dưới hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh:

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ thì doanh thu tính thuế là doanh thu của từng bên được chia theo hợp đồng.

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng sản phẩm thì doanh thu tính thuế là doanh thu của sản phẩm được chia cho từng bên theo hợp đồng.

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh thu để xác định thu nhập trước thuế là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải cử ra một bên làm đại diện có trách nhiệm xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí, xác định lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp chia cho từng bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh. Mỗi bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh tự thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp của mình theo quy định hiện hành.

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh thu để xác định thu nhập chịu thuế là số tiền bán hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải cử ra một bên làm đại diện có trách nhiệm xuất hóa đơn, ghi nhận doanh thu, chi phí và kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thay cho các bên còn lại tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.”

- Căn cứ Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định về thu nhập được miễn thuế:

6. Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế với doanh nghiệp trong nước, sau khi bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, liên doanh, liên kết đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả trường hợp bên nhận góp vốn, phát hành cổ phiếu, bên liên doanh, liên kết được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ví dụ 11: Doanh nghiệp B nhận vốn góp của doanh nghiệp A. Thu nhập trước thuế tương ứng với phần vốn góp của doanh nghiệp A trong doanh nghiệp B là 100 triệu đồng.

- Trường hợp 1: Doanh nghiệp B không được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và doanh nghiệp B đã nộp đủ thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả khoản thu nhập của doanh nghiệp A nhận được thì thu nhập mà doanh nghiệp A nhận được từ hoạt động góp vốn là 78 triệu đồng $[(100 \text{ triệu} - (100 \text{ triệu} \times 22\%))]$, doanh nghiệp A được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với 78 triệu đồng này.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty có ký hợp đồng liên danh liên kết với Bệnh viện E để đặt tài sản là máy móc, thiết bị y tế phục vụ cho hoạt động khám chữa bệnh tại Bệnh viện E, Bệnh viện E có trách nhiệm khai thác sử dụng tài sản đó và phân chia kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty thì:

- Trường hợp hai bên phân chia kết quả kinh doanh bằng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ thì khi nhận doanh thu từ Bệnh viện, Công ty phải lập hóa đơn, kê khai thuế theo quy định.

- Trường hợp hai bên phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận trước thuế thì:

+ Căn cứ vào hợp đồng giữa hai bên thì Bệnh viện là đơn vị trực tiếp thực

hiện dịch vụ để tạo nên doanh thu, Bệnh viện có trách nhiệm xuất hóa đơn, hạch toán doanh thu chi phí và phân chia lợi nhuận trước thuế cho Công ty. Khi nhận khoản tiền chia từ hợp đồng này Công ty lập chứng từ thu theo quy định. Bệnh viện căn cứ mục đích chi để lập chứng từ chi tiền. Hai bên tự thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN của mình theo quy định hiện hành.

+ Trường hợp từ năm 2014 Công ty đã lập hóa đơn khi nhận được khoản chia từ hợp đồng hợp tác nêu trên thì thực hiện điều chỉnh hóa đơn theo hướng dẫn tại Điều 20 Thông tư 39/2014/TT-BTC và thực hiện kê khai bổ sung thuế GTGT theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Trường hợp hai bên phân chia kết quả kinh doanh bằng lợi nhuận sau thuế Bệnh viện đã kê khai tính nộp thuế TNDN theo quy định (tỷ lệ 2%) thì phần thu nhập Công ty nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh thuộc đối tượng được miễn thuế TNDN theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC nêu trên.

- Về việc trích khấu hao tài sản cố định, đề nghị Công ty căn cứ vào thực tế phát sinh, đối chiếu với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính để thực hiện.

Trường hợp trong quá trình thực hiện còn vướng mắc, đề nghị Công ty liên hệ với Phòng kiểm tra thuế số 4 để được hướng dẫn chi tiết.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty được biết và thực hiện. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng Kiểm tra thuế số 4;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT (5; 3)

